

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi;
2. Ông Ngô Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 538/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1993; thường trú: 64 Trung Bình, M, huyện P, tỉnh B; tạm trú: số 28/7 khu phố T, phường Đ, Thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Danh Tể E, sinh năm 1995; thường trú: ấp B, xã Vĩnh P, huyện P, tỉnh B; tạm trú: số 28/7 khu phố T, phường Đ, Thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-9-2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Danh Tể E tìm hiểu nhau 05 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND

phường Đ, Thành phố D, tỉnh B và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 191, ngày 18/10/2017, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại địa chỉ: số 28/7 khu phố T, phường Đ, Thành phố D, tỉnh B. Vợ chồng sống chung hạnh phúc, từ năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh E ham chơi, không chăm lo cho vợ con, không phụ giúp gia đình. Chị T vì con đã cố gắng nhẫn nhịn để duy trì cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng chị ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không có sự chia sẻ lẫn nhau, anh E không góp tiền cũng như phụ vợ chăm sóc con chung.

Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh E, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh E.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Danh Tể E có 01 con chung là Danh Đỗ Minh K, sinh ngày 07/4/2019, con đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Danh Tể E*: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ anh E để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào ngày 24/3/2023, 17/4/2023 nhưng anh E vắng mặt không có lý do. Anh E không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Kết quả xác minh ngày 06/02/2023 tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Đ thể hiện*: Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh E, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn vợ chồng, vấn đề nuôi dạy con chung của hai anh chị. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Danh Tể E tham gia phiên tòa vào ngày 24/3/2023 và ngày 17/4/2023 nhưng anh E vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Đỗ Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Danh Tể E là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố D, tỉnh B và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 191, ngày 18/10/2017 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày lý do xin ly hôn là do anh E không quan tâm, chăm sóc vợ, con, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh E đến Tòa án để cung cấp bản tự khai, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh E vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản bác đối với trình bày của chị T. Chị T cũng có đơn từ chối hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh E đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm để tiếp tục cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung là Danh Đỗ Minh K, sinh ngày 07/4/2019, hiện nay con đang ở với chị T. Quá trình tố tụng anh E không có ý kiến, yêu cầu gì đối với việc nuôi dưỡng con chung. Việc chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, bảo đảm cháu có môi trường sống, học tập ổn định. Do đó giao con chung cho chị Đỗ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện định đoạt của các đương sự nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T đối với anh Danh Tế E về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Danh Tế E (Giấy chứng nhận kết hôn số 191, ngày 18/10/2017 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố D, tỉnh B cấp).

- Về con chung: Anh Danh Tế E giao con chung là Danh Đỗ Minh K, sinh ngày 07/4/2019 cho chị Đỗ Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị T không yêu cầu anh Danh Tế E cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Đỗ Thị T và anh Danh Tế E đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0000715 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS Thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân